

CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	9 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

Số 178 Phố Triệu Việt Vương, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Cokyvina trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cokyvina (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 45/2004/QĐ-BBCVT ngày 05/11/2004 của Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 010300774 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội), cấp lần đầu ngày 10/5/2005, đã được thay đổi bằng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100684716, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 18 ngày 01/7/2026 do thay đổi chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty..

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 01/7/2026, Công ty có vốn điều lệ là 40.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là CKV.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: COKYVINA JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: COKYVINA.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 178 Phố Triệu Việt Vương, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lý Chí Đức	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ Ủy viên ngày 23/6/2026)
Ông Phạm Viết Huy	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 23/6/2026)
Ông Nông Văn Hiếu	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Mùi	Ủy viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 23/6/2026)

Ban Kiểm soát

Ông Tạ Quang Hiệp	Trưởng ban
Ông Phạm Lê Châu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Chiên	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ Phó Tổng Giám đốc ngày 23/6/2026)
Ông Lý Chí Đức	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23/6/2026)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban điều hành Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban điều hành,



Lý Chí Đức
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Số: 147/2026/BCSX-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cokyvina

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cokyvina, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/6/2026

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+160)	100		136.125.738.274	114.880.952.695
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	51.830.261.826	38.009.288.488
1. Tiền	111		38.230.261.826	29.009.288.488
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.600.000.000	9.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.458.172.493	67.980.716.549
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	51.127.330.858	48.468.865.805
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.866.365.072	4.991.890.114
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.4	27.797.457.129	21.969.153.893
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.5	(7.332.980.566)	(7.449.193.263)
IV. Hàng tồn kho	140		6.331.881.196	7.210.048.627
1. Hàng tồn kho	141	5.6	6.432.466.502	7.310.633.933
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(100.585.306)	(100.585.306)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		1.505.422.759	1.680.899.031
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.7	1.499.601.548	1.456.142.373
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		1.794.967	198.632.631
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.8	4.026.244	26.124.027
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260+270)	200		45.956.495.334	48.015.682.022
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.000.000.000	2.000.000.000
5. Phải thu dài hạn khác	215	5.4	2.000.000.000	2.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		25.481.334.326	28.016.911.890
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	17.277.883.076	19.813.460.640
- Nguyên giá	222		102.531.183.434	102.531.183.434
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.253.300.358)	(82.717.722.794)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	8.203.451.250	8.203.451.250
- Nguyên giá	228		8.203.451.250	8.203.451.250
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.11	14.061.532.581	13.998.532.086
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		24.188.455.000	24.188.455.000
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		(10.126.922.419)	(10.189.922.914)
VII. Tài sản dài hạn khác	270		4.413.628.427	4.000.238.046
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.7	3.659.104.550	3.245.714.169
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.12	754.523.877	754.523.877
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		182.082.233.608	162.896.634.717

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30/6/2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		105.632.851.293	85.480.745.415
I. Nợ ngắn hạn	310		100.353.579.323	79.643.653.445
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	41.287.028.573	28.959.392.142
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	5.387.936.289	4.633.173.047
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.15	2.891.270.890	213.623.849
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.8	6.752.474.918	5.367.484.230
5. Phải trả người lao động	315		6.187.922.867	4.142.382.438
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.16	6.835.437.883	4.490.676.288
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	5.17	519.209.301	893.257.301
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.18	28.105.424.722	29.223.091.154
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	5.19	1.642.743.135	1.186.636.410
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		744.130.745	533.936.586
II. Nợ dài hạn	330		5.279.271.970	5.837.091.970
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	5.17	857.820.000	1.715.640.000
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.20	3.250.000.000	2.950.000.000
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343	5.19	1.171.451.970	1.171.451.970
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.21	76.449.382.315	77.415.889.302
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.500.000.000	40.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.500.000.000	40.500.000.000
2. Thặng dư vốn	412		20.354.652.347	20.354.652.347
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.000.000.000	3.000.000.000
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(573.800.000)	(573.800.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.642.975.684	8.642.975.684
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.525.554.284	5.492.061.271
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		2.431.987.112	2.430.543.187
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		2.093.567.172	3.061.518.084
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		182.082.233.608	162.896.634.717

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập

Phó phòng phụ trách KTTC

Chủ tịch HĐQT



Vũ Thị Kim Thoa



Trần Thị Ngọc Anh



Lý Chí Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	114.708.747.018	173.538.349.185
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		114.708.747.018	173.538.349.185
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	84.110.050.370	151.557.571.729
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		30.598.696.648	21.980.777.456
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	669.792.382	737.280.150
8. Chi phí tài chính	23	6.4	86.331.003	397.765.851
Trong đó: Chi phí đi vay	24		128.625.344	366.605.487
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	22.210.707.969	16.632.164.652
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.077.587.172	4.013.706.222
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+22-(23+25+26)}	30		2.893.862.886	1.674.420.881
12. Thu nhập khác	31	6.6	32.279.017	82.707.599
13. Chi phí khác	32	6.6	238.875.934	50.632.139
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(206.596.917)	32.075.460
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.687.265.969	1.706.496.341
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	593.698.797	246.663.205
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.093.567.172	1.459.833.136
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	522	303

Người lập



Vũ Thị Kim Thoa

Phó phòng phụ trách KTTTC



Trần Thị Ngọc Anh

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Lý Chí Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		235.645.989.093	234.942.957.654
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(50.921.166.311)	(60.758.987.353)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.547.882.605)	(106.679.573.887)
4. Chi phí đi vay đã trả	04		(128.125.344)	(366.605.487)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(557.174.147)	(637.798.295)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		109.899.143.494	111.701.927.571
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(275.120.128.551)	(144.888.572.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.270.655.629	33.313.347.869
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.348.487.273)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		600.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		650.317.709	111.086.140
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.250.317.709	(1.837.401.133)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.800.000.000	10.679.283.188
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.500.000.000)	(10.165.638.599)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.272.957.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		300.000.000	(1.759.313.211)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		13.820.973.338	29.716.633.525
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,1	38.009.288.488	30.399.687.567
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	513.917.435
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5,1	51.830.261.826	60.630.238.527

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập

Phó phòng phụ trách KTTTC

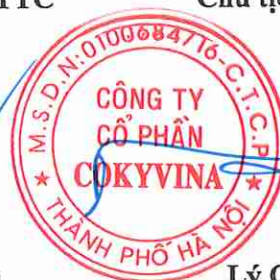
Chủ tịch HĐQT



Vũ Thị Kim Thoa



Trần Thị Ngọc Anh



Lý Chí Đức

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cokyvina được thành lập theo Quyết định số 45/2004/QĐ-BBCVT ngày 05/11/2004 của Bộ Bưu chính Viễn Thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 010300774 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội), cấp lần đầu ngày 10/5/2005, đã được thay đổi bằng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100684716, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 18 ngày 01/7/2026 do thay đổi chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty..

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 01/7/2026, Công ty có vốn điều lệ là 40.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là CKV.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: COKYVINA JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: COKYVINA.

Trụ sở chính của Công ty tại 178 Triệu Việt Vương, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động tại ngày 30/6/2026 là 5.485 người, trong đó có 5.425 lao động cho thuê lại (tại ngày 31/12/2025 là 4.561 người, trong đó có 4.499 lao động cho thuê lại).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất thiết bị truyền thông; Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Chi tiết: Cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác (Chi tiết: Sản xuất sản phẩm dây đồng (dây đồng, dây quang), lõi đồng (lõi đồng, lõi quang), bobin nhựa, bobin sắt, bobin gỗ);
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại (Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh các loại dây và cáp thông tin (sợi đồng và sợi quang), dây và cáp điện dân dụng, cáp điện lực, nguyên liệu, vật liệu viễn thông, vật liệu điện dân dụng);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Chi tiết: Cho thuê kho bãi).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: khai thuế hải quan);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; khách sạn);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường));
- Hoạt động viễn thông khác; Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ viễn thông; Kinh doanh dịch vụ trong các lĩnh vực: bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, tin học, điện tử dân dụng;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Chi tiết: Sửa chữa các sản phẩm thuộc các ngành kinh doanh;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Lắp đặt máy móc và các thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử viễn thông; Chi tiết: Kinh doanh nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông, dây thuê bao và vật liệu điện dân dụng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn thiết bị pin năng lượng mặt trời; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, tin học, điện tử dân dụng, vật tư thiết bị công nghiệp, dân dụng và các lĩnh vực khác sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Nhận ủy thác xuất nhập khẩu (không bao gồm ủy thác đầu tư); Đầu tư trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông, tài chính, công nghiệp, nhà ở, cơ sở hạ tầng, các khu công nghiệp, khu đô thị và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, thiết bị lẻ, thiết bị toàn bộ trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, tin học, điện tử dân dụng, giao thông, công nghiệp, xây dựng và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; Bảo dưỡng, bảo trì, bảo hành; Lắp ráp và hoàn thiện, tư vấn, sửa chữa, bảo hành các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; Dịch vụ truy cập Internet, cung cấp đường truyền trong ngành viễn thông, công nghệ thông tin; Cung cấp thiết bị trong lĩnh vực y tế, giáo dục, phòng thí nghiệm, nông nghiệp; Cung cấp thiết bị trong lĩnh vực đo lường;
- Giáo dục chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm; Chi tiết: Đại lý bảo hiểm.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: tư vấn ý kết hợp đồng kinh tế và các dịch vụ khác được pháp luật cho phép (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp lý).
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Chuyển giao công nghệ, tư vấn chuyển giao công nghệ.
- Cho thuê xe có động cơ; Chi tiết: Cho thuê xe ô tô.
- Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Chi tiết: giới thiệu việc làm cho người lao động.
- Xây dựng nhà để ở;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Sản xuất sản phẩm điện dân dụng; Chi tiết: Sản xuất lắp ráp máy móc, thiết bị trong các lĩnh vực điện, điện tử, tin học, điện tử dân dụng, giao thông, công nghiệp, xây dựng và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng công trình điện;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu; Cho thuê thiết bị, phương tiện.
 - Giáo dục nhà trẻ;
 - Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
 - Giáo dục mẫu giáo;
 - Xây dựng công trình công ích khác;
 - Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; Chi tiết: Đại lý viễn thông; Đại lý xổ số (khoản 1.9, Điều 1, thông tư 65/2007/TTBTC hướng dẫn chi tiết Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01/03/2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số); Đại lý phân phối về vật liệu xây dựng; Đại lý phân phối về thiết bị công nghiệp (máy móc công cụ cắt gọt, thiết bị dây chuyền sản xuất dây và cáp, động cơ giảm tốc, băng tải).
 - Tổ chức giới thiệu, xúc tiến thương mại; Chi tiết: Tổ chức sự kiện (trừ hợp báo).
 - Đại lý du lịch;
 - Điều hành tua du lịch; Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế.
 - Xây dựng công trình đường sắt;
 - Xây dựng công trình đường bộ;
 - Xây dựng công trình đường thủy;
 - Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa. Cụ thể: Hệ thống sưởi (điện, ga, dầu); Lò sưởi, tháp làm lạnh; Hệ thống thu nạp năng lượng mặt trời dùng điện; Thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh; Thiết bị thông gió, làm lạnh, hoặc điều hòa không khí; Thiết bị khí đốt (gas); Đường ống dẫn hơi nước; Hệ thống phun nước chữa cháy; Hệ thống phun nước tưới cây; Lắp đặt hệ thống ống dẫn.
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này; Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn; Cửa cuốn, cửa tự động; Dây dẫn chống sét; Hệ thống pin năng lượng mặt trời; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống cách âm; Cách nhiệt, chống rung.
 - Hoàn thiện công trình xây dựng;
 - Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
 - Sản xuất điện; Chi tiết: Sản xuất điện mặt trời.
- Truyền tải và phân phối điện; Chi tiết: Hoạt động bán buôn điện./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là dịch vụ cho thuê lại lao động; dịch vụ sim thẻ viễn thông; xuất nhập khẩu ủy thác; dịch vụ cho tài sản, bán hàng hóa và dịch vụ khác.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có 05 đơn vị trực thuộc và khối văn phòng. Chi tiết như sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Văn phòng Công ty	Số 178 Phố Triệu Việt Vương, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
2.	Chi nhánh tại Hà Nội	N5 và N6 Khu tập thể Nguyễn Công Trứ, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
3.	Chi nhánh tại Đà Nẵng	Số 02 Thanh Hải, phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
4.	Chi nhánh tại Hồ Chí Minh	Số 10 Nguyễn Cửu Vân, Phường Gia Định, TP. Hồ Chí Minh.
5.	Chi nhánh Tại Hưng Yên	Biệt thự Chà Là CL11-62, Khu đô thị Vinhomes Ocean Park 2, Xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên
6.	Chi nhánh Thăng Long	Số 110 đường Nguyễn Hoàng Tôn, Phường Tây Hồ, TP. Hà Nội.

2. KỲ KẾ TOÁN, CÔNG TY TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán / Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND, theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty không thực hiện quy đổi đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi;

Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và được trình bày theo số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị ghi sổ bao gồm gốc và lãi được hưởng đến ngày lập Báo cáo tài chính, sau khi trừ dự phòng tổn thất (nếu có). Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

Đầu tư vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác: Dự phòng tổn thất được trích lập khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy khoản đầu tư bị suy giảm giá trị tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá trị tổn thất được xác định theo quy định kế toán hiện hành phù hợp với bản chất của từng khoản đầu tư.

Đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là Báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất không thời hạn. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối tài sản này.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (hoặc lỗ tính thuế hoặc ưu đãi chưa sử dụng, tùy thực tế).

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm xe cơ giới

Được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ sau khi có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ là doanh thu nhận trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê nhà. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển Doanh thu chờ phân bổ vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm hàng hoá được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của Cổ phiếu mua lại của chính mình và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành Cổ phiếu mua lại của chính mình được ghi giảm Thặng dư vốn.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu mua lại của chính mình được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư tài chính, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban điều hành cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là dịch vụ cho thuê lại lao động và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	1.530.379.548	1.239.536.813
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	36.699.882.278	27.769.751.675
Tương đương tiền (**)	13.600.000.000	9.000.000.000
Cộng	51.830.261.826	38.009.288.488

(*) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn:

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	15.057.902.067	8.452.737.454
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	13.222.075.016	12.337.309.366
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ	3.957.725.978	2.325.316.243
Các Ngân hàng khác	4.462.179.217	4.654.388.612
Cộng	36.699.882.278	27.769.751.675

() Chi tiết các khoản tương đương tiền:**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	8.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	4.000.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Đồng Đa, TP Đà Nẵng	600.000.000	-
Cộng	13.600.000.000	9.000.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 3,3%- 4,75%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	51.127.330.858	(3.482.980.566)	48.468.865.805	(3.599.193.263)
Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (*)	9.523.006.000	(1.818.102.000)	9.523.006.000	(1.818.102.000)
Công ty VNPT AI - Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	14.556.551.544	-	-	-
Tổng Công ty hạ tầng mạng	3.332.488.842	-	3.321.651.571	-
Viễn thông các tỉnh thành trực thuộc VNPT	7.970.983.579	-	15.415.781.518	-
Trung tâm kinh doanh VNPT các tỉnh thành	-	-	820.575.122	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển kỹ thuật Hà Nội	190.000.000	-	6.017.799.256	-
Công ty TNHH Một thành viên Postef Ba Đình	-	-	4.507.973.000	-
Các khách hàng khác	15.554.300.893	(1.664.878.566)	8.862.079.338	(1.781.091.263)
Cộng	51.127.330.858	(3.482.980.566)	48.468.865.805	(3.599.193.263)
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>28.374.471.633</i>	<i>-</i>	<i>25.351.216.906</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

(*) Gói thầu: Dự án hỗ trợ đầu thu truyền hình số cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều tại 15 tỉnh nhóm II đã được đoàn Thanh tra Chính phủ tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật đối với gói thầu liên quan đến Công ty Cổ phần Cokyvina, theo Biên bản làm việc ngày 21/12/2022 xác định Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích còn phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Cokyvina số tiền là 7.704.904.000 VND, đến thời điểm thanh tra gói thầu chưa được phê duyệt quyết toán, các bên sẽ tiếp tục làm việc để thống nhất biên bản. Phần chênh lệch số dư công nợ phải thu là 1.818.102.000 VND, Công ty Cổ phần Cokyvina đã trích lập dự phòng đầy đủ.

5.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	4.866.365.072	(3.850.000.000)	4.991.890.114	(3.850.000.000)
Công ty Cổ phần dây và ống đồng Trần Phú	3.850.000.000	(3.850.000.000)	3.850.000.000	(3.850.000.000)
Các nhà cung cấp khác	1.016.365.072	-	1.141.890.114	-
Cộng	4.866.365.072	(3.850.000.000)	4.991.890.114	(3.850.000.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.4 Phải thu khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	27.797.457.129	-	21.969.153.893	-
- Ký cược, ký quỹ để bảo lãnh dự thầu	7.106.973.773	-	7.179.603.476	-
- Phải thu khác:	20.690.483.356	-	14.789.550.417	-
+ Tạm ứng	2.217.249.263	-	1.602.010.384	-
+ Lãi tiền gửi dự thu	49.515.854	-	175.206.797	-
+ Phải thu hoạt động ủy thác đầu tư Xuất nhập khẩu	26.954.224	-	1.833.185.347	-
+ Phải thu dịch vụ xác thực căn cước công dân gắn chip	6.829.432.500	-	-	-
+ Phải thu các khoản tiền Bảo hiểm và các khoản phải thu khác	11.567.331.515	-	11.179.147.889	-
Dài hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Cộng	29.797.457.129	-	23.969.153.893	-
<i>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</i>	<i>6.829.432.500</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

5.5 Nợ xấu

	gian quá hạn	30/06/2026 (VND)			gian quá hạn	01/01/2026 (VND)			thể thu hồi
		Giá trị nợ gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi		Giá trị nợ gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	
1) Phải thu khách hàng		3.599.193.263	(3.482.980.566)	116.212.697		3.599.193.263	(3.599.193.263)		-
Công ty CP Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu điện	> 3 năm	179.048.798	(179.048.798)	-	> 3 năm	179.048.798	(179.048.798)	-	-
Ban quản lý Dự án các công trình viễn thông công ích	> 3 năm	1.818.102.000	(1.818.102.000)	-	> 3 năm	1.818.102.000	(1.818.102.000)	-	-
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	> 3 năm	1.602.042.465	(1.485.829.768)	116.212.697	> 3 năm	1.602.042.465	(1.602.042.465)	-	-
2) Trả trước cho người bán		3.850.000.000	(3.850.000.000)	-		3.850.000.000	(3.850.000.000)		-
Công ty CP Dây và Ống đồng Trần Phú	> 3 năm	3.850.000.000	(3.850.000.000)	-	> 3 năm	3.850.000.000	(3.850.000.000)	-	-
Cộng		7.449.193.263	(7.332.980.566)	116.212.697		7.449.193.263	(7.449.193.263)		-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.521.879.237	(64.292.948)	3.239.125.330	(64.292.948)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.978.000.044	-	767.641.848	-
Sản phẩm	100.313.551	(34.974.625)	82.989.620	(34.974.625)
Hàng hóa	832.273.670	(1.317.733)	3.220.877.135	(1.317.733)
Cộng	6.432.466.502	(100.585.306)	7.310.633.933	(100.585.306)

5.7 Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	1.499.601.548	1.456.142.373
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.193.667.605	1.456.142.373
Chi phí chờ phân bổ khác	305.933.943	-
Dài hạn	3.659.104.550	3.245.714.169
Chi phí bảo hiểm xe ô tô chờ phân bổ	110.868.836	179.803.658
Chi phí sửa chữa cải tạo, công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ	3.548.235.714	3.065.910.511
Cộng	5.158.706.098	4.701.856.542

5.8 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/06/2026 VND
Phải nộp	5.367.484.230	89.337.195.305	87.952.204.617	6.752.474.918
Ngắn hạn	5.367.484.230	89.337.195.305	87.952.204.617	6.752.474.918
Thuế giá trị gia tăng	1.674.224.540	5.154.014.339	5.168.057.325	1.660.181.554
Thuế thu nhập doanh nghiệp	276.079.417	593.698.797	557.174.147	312.604.067
Thuế thu nhập cá nhân	3.417.180.273	14.069.243.385	12.834.547.393	4.651.876.265
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		172.388.118	172.388.118	-
Thuế nộp thay nhà thầu và các loại thuế khác		69.161.851.757	69.161.851.757	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		185.998.909	58.185.877	127.813.032
Phải thu	26.124.027	22.097.783	-	4.026.244
Ngắn hạn	26.124.027	22.097.783	-	4.026.244
Thuế thu nhập cá nhân	4.026.244	-	-	4.026.244
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	22.097.783	22.097.783	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2026	25.392.600.704	2.967.387.142	72.292.501.885	1.878.693.703	102.531.183.434
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2026	25.392.600.704	2.967.387.142	72.292.501.885	1.878.693.703	102.531.183.434
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2026	18.834.322.137	2.967.387.142	59.248.146.013	1.667.867.502	82.717.722.794
Khấu hao trong kỳ	412.105.338	-	2.068.653.849	54.818.377	2.535.577.564
Số dư tại 30/06/2026	19.246.427.475	2.967.387.142	61.316.799.862	1.722.685.879	85.253.300.358
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2026	6.558.278.567	-	13.044.355.872	210.826.201	19.813.460.640
Tại 30/06/2026	6.146.173.229	-	10.975.702.023	156.007.824	17.277.883.076

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là: 68.051.065.302 VND (tại ngày 01/01/2026 là: 62.752.939.667 VND).

Danh mục các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu có tỷ lệ giá trị từ 10% tổng tài sản cố định hữu hình trở lên:

Tên tài sản	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc						
Trụ sở Công ty tại TP Hồ Chí Minh	7.454.152.335	3.380.138.267	4.074.014.068	7.454.152.335	3.256.000.631	4.198.151.704
Trụ sở Công ty tại 178 Triệu Việt Vương	5.853.747.711	5.853.747.711	-	5.853.747.711	5.853.747.711	-
Sửa chữa trụ sở 178 Triệu Việt Vương	3.607.639.090	1.924.074.179	1.683.564.911	3.607.639.090	1.743.692.225	1.863.946.865
Các tài sản khác						
Phương tiện vận tải, truyền dẫn						
44 xe Toyota Fortuner 7 chỗ	46.368.308.801	46.368.308.801	-	46.368.308.801	46.065.549.542	302.759.259

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2026	8.203.451.250	8.203.451.250
Số dư tại 30/06/2026	8.203.451.250	8.203.451.250
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2026	-	-
Số dư tại 30/06/2026	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2026	8.203.451.250	8.203.451.250
Tại 30/06/2026	8.203.451.250	8.203.451.250

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện trích khấu hao, cụ thể:

- Quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Số 02 Thanh Hải, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng có nguyên giá là 7.291.451.250 VND.
- Quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Số 10 Nguyễn Cửu Vân, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh có nguyên giá là 912.000.000 VND.

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	24.188.455.000	14.061.532.581	(10.126.922.419)	24.188.455.000	13.998.532.086	(10.189.922.914)
Tổng Công ty Bảo hiểm Bưu điện (i)	11.483.455.000	11.483.455.000	-	11.483.455.000	11.483.455.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu điện	8.010.000.000	-	(8.010.000.000)	8.010.000.000	-	(8.010.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000	625.000.000	-	625.000.000	625.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	980.000.000	980.000.000	-	980.000.000	980.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Nhật	2.000.000.000	411.107.487	(1.588.892.513)	2.000.000.000	350.556.779	(1.649.443.221)
Công ty Cổ phần NIKKO Việt Nam	1.090.000.000	561.970.094	(528.029.906)	1.090.000.000	559.520.307	(530.479.693)
Cộng	24.188.455.000	14.061.532.581	(10.126.922.419)	24.188.455.000	13.998.532.086	(10.189.922.914)

(i) Theo Nghị quyết số 20/NQ-CKV-HĐQT ngày 10/7/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty tại phiên họp thứ 2 năm 2026 đã thông qua phương án chuyển nhượng vốn góp của Công ty tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện và giao cho Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

5.12 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	754.523.877	754.523.877
Tổng	754.523.877	754.523.877

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.13 Phải trả người bán

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	41.287.028.573	28.959.392.142
Công ty Cổ phần Xor Cloud	8.708.724.126	1.877.944.034
Qidong Dijie complete sets of industrial equipment Co., ltd	3.824.297.568	3.837.536.976
CN phía nam - Công ty TNHH MTV Viễn thông số VTC	-	961.950.000
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng dữ liệu dân cư và căn cước công dân	5.314.607.668	-
Công ty CP Phát triển Công nghệ Viễn thông tin học Sun Viet	6.422.020.800	-
Các đối tượng khác	17.017.378.411	22.281.961.132
Cộng	41.287.028.573	28.959.392.142
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>153.709.046</i>	<i>1.752.250.363</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

5.14 Người mua trả tiền trước

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	5.387.936.289	4.633.173.047
Viễn thông các tỉnh thành trực thuộc VNPT	3.753.456.754	412.732.487
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	1.508.278.500	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	-	2.862.811.600
Ban quản lý dự án các công trình Bưu điện	-	1.305.337.440
Các khách hàng khác	126.201.035	52.291.520
Cộng	5.387.936.289	4.633.173.047
<i>Trong đó:</i>		
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	<i>3.879.657.789</i>	<i>1.770.361.447</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

5.15 Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	30/06/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận (i)	2.891.270.890	213.623.849
Cộng	2.891.270.890	213.623.849
<i>Trong đó:</i>		
<i>Cổ tức phải trả cho các bên liên quan</i>	<i>1.270.080.000</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

Cổ tức phải trả bao gồm 2.567.680.000 VND là cổ tức phải trả cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 và 323.590.890 VND là cổ tức chưa được trả từ các năm trước cho các cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và chưa đến trực tiếp Công ty làm thủ tục nhận cho đến hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.16 Chi phí phải trả

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	6.835.437.883	4.490.676.288
Chi phí hoạt động kinh doanh của các Trung tâm	6.179.816.694	3.772.619.386
Giá vốn hoạt động sim thẻ	266.615.249	718.056.902
Chi phí lãi vay	89.851.371	-
Chi phí phải trả khác	299.154.569	-
Cộng	6.835.437.883	4.490.676.288

5.17 Doanh thu chờ phân bổ

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	519.209.301	893.257.301
Doanh thu nhận trước dịch vụ cho thuê kho, kênh truyền	519.209.301	893.257.301
Dài hạn	857.820.000	1.715.640.000
Doanh thu nhận trước dịch vụ cho thuê kênh truyền	857.820.000	1.715.640.000
Cộng	1.377.029.301	2.608.897.301

5.18 Phải trả khác

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	(Trình bày lại) VND
Ngắn hạn	28.105.424.722	29.223.091.154
Kinh phí công đoàn	2.246.321.863	2.298.525.152
Bảo hiểm xã hội	348.532.931	649.696.871
Bảo hiểm y tế	38.892.230	155.530.912
Bảo hiểm thất nghiệp	61.819.986	70.330.973
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	167.572.000	167.572.000
Phải trả khác	25.242.285.712	25.881.435.246
- Các khoản phải trả khác của dịch vụ thuê lao động	6.355.096.729	2.621.128.537
- Phải trả về cổ phần hóa cho VNPT	16.278.387.971	16.278.387.971
- Phải trả khác	2.608.801.012	6.981.918.738
Cộng	28.105.424.722	29.223.091.154

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

16.461.687.971

16.461.687.971

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Dự phòng phải trả

	01/01/2026 VND	Số dự phòng tăng trong kỳ VND	Số dự phòng giảm trong kỳ VND	30/06/2026 VND
Ngắn hạn	1.186.636.410	456.106.725	-	1.642.743.135
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	1.186.636.410	456.106.725	-	1.642.743.135
Dài hạn	1.171.451.970	-	-	1.171.451.970
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	1.171.451.970	-	-	1.171.451.970
Cộng	2.358.088.380	456.106.725	-	2.814.195.105

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2026 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	01/01/2026 VND
Dài hạn	3.250.000.000	2.800.000.000	2.500.000.000	2.950.000.000
Vay	3.250.000.000	2.800.000.000	2.500.000.000	2.950.000.000
Vay cá nhân (*)	3.250.000.000	2.800.000.000	2.500.000.000	2.950.000.000
Cộng	3.250.000.000	2.800.000.000	2.500.000.000	2.950.000.000

(*) Hợp đồng vay tiền số 01/2023/HĐVT-COKY ngày 01/07/2023, các phụ lục hợp đồng ngày 02/05/2024 và ngày 09/02/2026 giữa Chi nhánh Hưng Yên ký với cá nhân ông Vũ Xuân Chiến, số tiền cho vay 10.000.000.000 VND. Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/06/2028, cho vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản với lãi suất 6,5%/năm tính từ ngày 01/04/2026 (lãi suất trước đó là 4,5%/năm).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.21 Vốn chủ sở hữu

a.		Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu					Đơn vị tính: VND	
		Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2025		40.500.000.000	20.354.652.347	3.000.000.000	(573.800.000)	8.642.975.684	5.203.539.363	77.127.367.394
Lãi trong năm trước		-	-	-	-	-	3.061.518.084	3.061.518.084
Chia cổ tức		-	-	-	-	-	(2.326.960.000)	(2.326.960.000)
Trích lập các quỹ		-	-	-	-	-	(446.036.176)	(446.036.176)
Số dư tại 01/01/2026		40.500.000.000	20.354.652.347	3.000.000.000	(573.800.000)	8.642.975.684	5.492.061.271	77.415.889.302
Lãi trong kỳ này		-	-	-	-	-	2.093.567.172	2.093.567.172
Chia cổ tức (*)		-	-	-	-	-	(2.567.680.000)	(2.567.680.000)
Trích lập các quỹ (*)		-	-	-	-	-	(492.394.159)	(492.394.159)
Số dư tại 30/06/2026		40.500.000.000	20.354.652.347	3.000.000.000	(573.800.000)	8.642.975.684	4.525.554.284	76.449.382.315

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-CKV ngày 23/6/2026 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2026, cụ thể:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 492.394.159 VND.

- Chia cổ tức: 2.567.680.000 VND.

Thời gian chi trả cổ tức: Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty quyết định thời gian thích hợp chi trả cổ tức năm 2025 nhưng không quá ngày 30/9/2026.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam	19.845.000.000	19.845.000.000
Bà Nguyễn Thị Mùi	3.943.000.000	3.943.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hải	2.602.000.000	2.602.000.000
Ông Trần Quốc Phong	2.120.000.000	2.120.000.000
Các Cổ đông khác	11.990.000.000	11.990.000.000
Cộng	40.500.000.000	40.500.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	40.500.000.000	40.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	40.500.000.000	40.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.567.680.000	2.326.960.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.050.000	4.050.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.050.000	4.050.000
Cổ phiếu phổ thông	4.050.000	4.050.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(38.000)	(38.000)
Cổ phiếu phổ thông	(38.000)	(38.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.012.000	4.012.000
Cổ phiếu phổ thông	4.012.000	4.012.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.22 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ

	30/06/2026	01/01/2026
Ngoại tệ các loại		
Tiền gửi Ngân hàng		
USD	92.294,95	16.501,67
EUR	122.396,01	122.229,85

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	88.362.296.811	102.917.421.804
Doanh thu bán hàng hóa	26.346.450.207	70.620.927.381
Cộng	114.708.747.018	173.538.349.185
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>91.758.356.816</i>	<i>141.205.073.162</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	61.853.588.260	88.683.099.622
Giá vốn bán hàng hóa	22.256.462.110	62.874.472.107
Cộng	84.110.050.370	151.557.571.729

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	353.901.490	199.685.762
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	295.310.892	23.676.953
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	513.917.435
Cổ tức lợi nhuận được chia	20.580.000	-
Cộng	669.792.382	737.280.150

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí lãi vay	128.625.344	366.605.487
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.731.481	1.455.073
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.974.673	-
Dự phòng (hoàn nhập) các khoản đầu tư tài chính	(63.000.495)	18.058.566
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	11.646.725
Cộng	86.331.003	397.765.851

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí bán hàng	22.210.707.969	16.632.164.652
Chi phí nhân viên bán hàng	6.786.450.888	4.773.122.372
Chi phí đồ dùng văn phòng	44.865.101	38.835.151
Chi phí khấu hao	150.211.638	124.137.636
Thuế, phí, lệ phí	2.000.000	-
Trích lập (hoàn nhập) chi phí bảo hành hàng hoá	456.106.725	(165.376.833)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.145.073.262	6.174.318.122
Chi phí khác bằng tiền	6.626.000.355	5.687.128.204
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.077.587.172	4.013.706.222
Chi phí nhân viên quản lý	2.631.435.167	2.244.043.409
Chi phí đồ dùng văn phòng	417.657.224	178.598.234
Chi phí khấu hao TSCĐ	430.998.156	430.998.156
Thuế, phí và lệ phí	5.421.258	19.781.060
Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ khó đòi	(116.212.697)	(55.732.598)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	981.547.870	162.586.958
Chi phí bằng tiền khác	1.726.740.194	1.033.431.003
Cộng	28.288.295.141	20.645.870.874

6.6 Thu nhập khác / Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Thu nhập khác	32.279.017	82.707.599
Thu nhập khác	32.279.017	82.707.599
Cộng	32.279.017	82.707.599
Chi phí khác	196.411.222	38.160.429
Các khoản phạt vi phạm hành chính	42.464.712	12.471.710
Chi phí khác	238.875.934	50.632.139
Cộng	(206.596.917)	32.075.460
Lợi nhuận khác	(206.596.917)	32.075.460

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.687.265.969	1.706.496.341
Điều chỉnh tăng	301.808.016	40.117.550
Chi phí không được trừ	301.808.016	40.117.550
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (tiền, nợ phải thu)	-	-
Điều chỉnh giảm	(20.580.000)	(513.297.865)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(20.580.000)	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (tiền, nợ phải thu)	-	(513.297.865)
Thu nhập chịu thuế	2.968.493.985	1.233.316.026
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	593.698.797	246.663.205

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.093.567.172	1.459.833.136
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(246.197.080)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.093.567.172	1.213.636.056
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	4.012.000	4.012.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	522	303

(*) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2025 được trình bày lại do trong năm 2026 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-CKV ngày 23/6/2026 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2026, theo đó trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Quản lý điều hành Công ty với số tiền 492.394.159 VND, do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2025 được trừ ½ số trích trên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2025 thay đổi như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (Đã trình bày) VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (Trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.459.833.136	1.459.833.136	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(246.197.080)	(246.197.080)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.459.833.136	1.213.636.056	(246.197.080)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	4.012.000	4.012.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	364	303	(61)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	462.522.325	210.245.722
Chi phí nhân công	11.058.048.579	54.605.589.062
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.435.163.616	2.876.122.094
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(263.184.947)	(222.000.342)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.183.730.299	26.049.550.524
Chi phí khác bằng tiền	39.568.135.939	23.620.349.537
Cộng	87.444.415.811	107.139.856.597

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các Bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông lớn
Các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Bên liên quan cùng Tập đoàn
Khối sự nghiệp, khối độc lập, các Công ty con, Công ty liên kết của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Bên liên quan cùng Tập đoàn
Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

a. Số dư với các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>		28.374.471.633	25.351.216.906
Viễn thông các tỉnh trực thuộc VNPT	Cùng Tập đoàn	7.970.983.579	15.415.781.518
Trung tâm kinh doanh VNPT các tỉnh	Cùng Tập đoàn	-	820.575.122
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	Cùng Tập đoàn	3.332.488.842	3.321.651.571
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông lớn	34.396.667	10.758.160
Tổng Công ty Truyền thông - CN Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cùng Tập đoàn	593.482.194	49.652.587
Tổng Công ty truyền thông	Cùng Tập đoàn	-	232.608.912
Bệnh Viện Đa Khoa Bưu điện	Cùng Tập đoàn	27.901.920	-
Bệnh viện Bưu điện	Cùng Tập đoàn	-	111.216.834
Công ty Công nghệ thông tin VNPT	Cùng Tập đoàn	60.153.990	759.446.882
Tổng Công ty dịch vụ Viễn thông	Cùng Tập đoàn	514.860.848	121.552.320
Công ty VNPT AI - Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	Cùng Tập đoàn	14.556.551.544	-
VNPT-I - CN Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	Cùng Tập đoàn	6.312.289	-
Công ty TNHH MTV Postef Ba Đình	Cùng Tập đoàn	1.277.339.760	4.507.973.000
<u>Phải thu ngắn hạn khác</u>		6.829.432.500	-
Công ty VNPT AI - Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	Cùng Tập đoàn	6.829.432.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

Số 178 Phố Triệu Việt Vương, Phường Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các Bên liên quan (Tiếp theo)**a. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo):**

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>		153.709.046	1.752.250.363
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn Thông	Cùng Tập đoàn	107.491.120	1.692.250.363
Viễn thông các tỉnh trực thuộc VNPT	Cùng Tập đoàn	23.572.790	40.000.000
Công ty VNPT AI - Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	Cùng Tập đoàn	2.645.136	-
Công ty Cổ phần đầu tư điện nhẹ Viễn thông	Cùng Tập đoàn	20.000.000	20.000.000
<u>Người mua trả trước ngắn hạn</u>		3.879.657.789	1.770.361.447
Viễn thông các tỉnh trực thuộc VNPT	Cùng Tập đoàn	3.753.456.754	412.732.487
Trung tâm kinh doanh VNPT các tỉnh	Cùng Tập đoàn	-	-
Tổng Công ty hạ tầng mạng	Cùng Tập đoàn	9.090.720	8.491.520
Ban quản lý dự án các công trình Bưu điện	Cùng Tập đoàn	-	1.305.337.440
Bệnh viện Đa Khoa Bưu điện	Cùng Tập đoàn	-	43.800.000
Bệnh viện Bưu điện	Cùng Tập đoàn	117.110.315	-
<u>Phải trả cổ tức, lợi nhuận</u>		1.270.080.000	-
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông lớn	1.270.080.000	-
<u>Phải trả ngắn hạn khác</u>		16.461.687.971	16.461.687.971
Phải trả về cổ phần hóa cho VNPT	Cổ đông lớn	16.278.387.971	16.278.387.971
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	Ảnh hưởng đáng kể	183.300.000	183.300.000

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
<u>Mua hàng</u>				
Các đơn vị trực thuộc Tập đoàn VNPT	Cùng Tập đoàn	Dịch vụ	100.168.400	42.450.695.385
Tổng			100.168.400	42.450.695.385
<u>Bán hàng</u>				
Các đơn vị trực thuộc Tập đoàn VNPT	Cùng Tập đoàn	Dịch vụ	89.159.406.374	28.228.405.936
Khối sự nghiệp, khối độc lập, các Công ty con, Công ty liên kết của Tập đoàn VNPT	Cùng Tập đoàn	Dịch vụ	2.598.950.442	112.976.667.226
Tổng			91.758.356.816	141.205.073.162

CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

Số 178 Phố Triệu Việt Vương, Phường Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Bên liên quan (tiếp theo)**c. Thù lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành**

		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Họ tên	Chức vụ		
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Lý Chí Đức	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 23/6/2026)	13.946.740	12.889.131
Ông Phạm Viết Huy	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 23/6/2026)	19.923.913	18.413.044
Bà Phan Thị Thanh Sâm	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)	-	6.444.564
Bà Nguyễn Thị Phương Liễu	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)	4.648.913	12.889.131
Ông Nông Văn Hiếu	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024)	13.946.739	6.444.564
Bà Nguyễn Thị Mùi	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)	9.297.826	-
Tổng		61.764.131	57.080.434
Thù lao của Ban Kiểm soát			
Ông Tạ Quang Hiệp	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024)	13.946.739	6.444.565
Ông Phạm Lê Châu	Thành viên	7.969.565	7.356.218
Bà Nguyễn Thị Chiên	Thành viên	7.969.565	7.356.218
Tổng		29.885.869	21.157.001
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Ông Lý Chí Đức	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23/6/2026)	364.875.124	302.284.264
Bà Nguyễn Thị Phương Liễu	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)	-	156.025.092
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23/6/2026)	235.450.782	198.136.696
Ông Hoàng Minh Đức	Người phụ trách quản trị (Bổ nhiệm ngày 10/02/2026)	20.733.158	-
Bà Trần Thị Ngọc Anh	Phó phòng phụ trách KTTC (Bổ nhiệm ngày 01/06/2026)	29.088.683	-
Bà Ngô Thị Thanh Loan	Phụ trách kế toán (Miễn nhiệm ngày 01/06/2026)	159.432.073	-
Tổng		809.579.820	656.446.052

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Để thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số khoản mục tại ngày 01/01/2026 trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp như sau:

Khoản mục	31/12/2025 Đã trình bày VND	01/01/2026 Trình bày lại VND	Chênh lệch VND
NGUỒN VỐN			
I. Nợ ngắn hạn			
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	213.623.849	213.623.849
10. Phải trả ngắn hạn khác	29.436.715.003	29.223.091.154	(213.623.849)

(i) Chuyển đổi số dư khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác về cổ tức, lợi nhuận” về khoản mục “Phải trả cổ tức, lợi nhuận” theo hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC.

Người lập



Vũ Thị Kim Thoa

Phó phòng phụ trách KTTC



Trần Thị Ngọc Anh

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Lý Chí Đức